

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Nữ	Dân tộc	Địa chỉ nơi đăng ký thường trú *	Thời gian cư trú ở vùng quy định	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	Lớp 9		Ghi chú
													ĐTB	Toán Văn	
1	HOÀNG THỊ THANH	NGÂN	07/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	Thôn Tân Lập, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	07/01/2021	1.0	0	38.0	39.0	8.5	17.0	
2	BÙI THỊ THÙY	TRÂM	04/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	Thôn Hưng Bình 1, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	04/10/2011	1.0	0	37.0	38.0	7.9	14.6	
3	ĐIỀU	PHU	16/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Mnông	Bon Oi Bu Tung, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	16/06/2011	1.0	0	37.0	38.0	6.6	13.2	
4	THỊ	TUYÊN	11/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Bù Sê Rê 1, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	07/01/2021	1.0	0	34.0	35.0	7.9	15.1	
5	THỊ	ÚC	01/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Pi Nao, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng	07/01/2021	1.0	0	34.0	35.0	7.7	14.7	
6	THỊ	HUYỀN	06/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Bu N' đoh, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng	31/08/2012	1.0	0	36.0	37.0	7.5	14.0	
7	THỊ	NỖ	02/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Bu N'đoh, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng	14/08/2012	1.0	0	39.0	40.0	8.5	16.7	
8	H' -	NHUYEN	13/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Bù Bir, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	07/01/2021	1.0	0	33.0	34.0	7.7	15.6	
9	Y	BÀN	24/08/2010	Lâm Đồng	Nam	M'Nông	Bon Pi Nao, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng	từ 2010	1.0	0	32.0	33.0	7.2	13.2	
10	THỊ	LIÊN	24/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Bù Sê Rê 1, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	07/01/2021	1.0	0	30.0	31.0	7.3	13.2	
11	THỊ	TRÚC	17/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon OL Bu Tung, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	07/01/2021	1.0	0	30.0	31.0	7.3	13.2	
12	THỊ H	DUYN	20/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Bu N'đoh, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng	07/01/2021	1.0	0	30.0	31.0	7.3	13.1	
13	THỊ	DUÊN	16/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Bu Đách, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	07/01/2021	1.0	0	30.0	31.0	7.2	13.9	
14	HỨA VĂN	THẮNG	25/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	Thôn Đăk Ru 8, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	07/01/2021	1.0	0	30.0	31.0	6.7	11.4	
15	H -	KHẮN	21/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Pi Nao, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng	21/12/2011	1.0	0	28.0	29.0	7.0	12.6	
16	ĐIỀU	KHUÔN	08/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Mnông	Oi Bu Tung, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	29/06/2011	1.0	0	28.0	29.0	6.6	12.9	
17	THỊ	TRẦN	23/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Bù Bía, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	23/06/2011	1.0	0	28.0	29.0	6.6	12.4	
18	ĐIỀU	ÚC	29/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Mnông	Bon Bù Sê Rê 1, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	07/01/2021	1.0	0	28.0	29.0	6.6	11.6	
19	THỊ	BIỆT	05/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon OL Bù Tung, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	07/01/2021	1.0	0	28.0	29.0	6.5	11.9	
20	ĐIỀU	HÙNG	24/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Mnông	Bon OL Bu Tung, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	07/01/2021	1.0	0	28.0	29.0	6.5	11.5	
21	HỨA MINH	ĐĂNG	30/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	Thôn Đăk Ru 8, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	30/05/2011	1.0	0	28.0	29.0	6.5	11.3	



STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Nữ	Dân tộc	Địa chỉ nơi đăng ký thường trú *	Thời gian cư trú ở vùng quy định	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	Lớp 9		Ghi chú
												ĐTB	Toán Văn	
22	THỊ TRÂM	28/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Bù Đách, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	28/03/2010	1.0	0	28.0	29.0	6.4	11.6	
23	THỊ THU'	29/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon bù đách, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	29/09/2010	1.0	0	28.0	29.0	6.3	12.7	
24	ĐIỀU XU LŨY	10/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Mnông	Bon Bu Bir, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	07/01/2021	1.0	0	28.0	29.0	6.3	10.7	
25	Y KHANG	14/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Mnông	Bon Pi Nao, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng	07/01/2021	1.0	0	28.0	29.0	6.3	10.4	
26	Y - QUẢN	08/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Mnông	Bon Pi Nao, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng	07/01/2021	1.0	0	28.0	29.0	6.3	10.1	
27	THỊ NGUYỆT ÁNH	21/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Đăng Klieang, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	21/11/2011	1.0	0	28.0	29.0	6.2	12.0	
28	ĐIỀU LƯU	28/10/2009	Lâm Đồng	Nam	Mnông	Bon Bù Bir, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	28/10/2009	1.0	0	28.0	29.0	5.9	11.2	
29	ĐIỀU ÁNH TUẤN	04/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Mnông	Bon Đăng K Liêng, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	04/10/2011	1.0	0	28.0	29.0	5.8	10.2	
30	ĐIỀU THỊ NGỌC CHI	15/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Châu Mạ, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	15/11/2011	1.0	0	28.0	29.0	5.7	10.2	
31	ĐIỀU VIỆT	20/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Mnông	Bon Bù Sê Rê 1, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	07/01/2021	1.0	0	27.0	28.0	6.5	10.6	
32	THỊ SƠ VA	21/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Ol Bu Tung-Bu Đách, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	21/12/2011	1.0	0	27.0	28.0	6.3	12.2	
33	H - NHAL	05/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Bu Nдох, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng	10/05/2011	1.0	0	27.0	28.0	6.1	10.3	
34	ĐIỀU SAVIN	01/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Mnông	Bon Bù Đách, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	06/01/2010	1.0	0	27.0	28.0	5.6	10.9	
35	ĐIỀU ĐỘ	16/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Mnông	Bon OL Bu Tung, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	từ 2011	1.0	0	26.0	27.0	7.0	12.2	

Danh sách này có 35 học sinh./.

DUYỆT KẾT QUẢ TUYỂN SINH CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Công nhận trúng tuyển 35 học sinh, trong đó:

Xã Quảng Tín: 26 HS

Xã Nhân Cơ: 09 HS

- Số HS tuyển thẳng: 00 HS

- Số lớp: 01 lớp; Sĩ số: 35 HS/lớp

Lâm Đồng, ngày tháng năm.....



Nguyễn Văn Lam

Lưu ý: * Cột Địa chỉ nơi đăng ký thường trú: đảm bảo thông tin về thôn (khu phố), xã (phường, thị trấn), huyện (thành phố)

** Cột Ghi chú: trường hợp Tuyển thẳng trường PT DTNT, cần ghi rõ lý do tuyển thẳng (DTTS rất ít người; Đạt giải cấp quốc gia về VH, VN, TDTT)